

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **22 – 7 – 2022**

V/v: **“Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu U, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Trần Mã Đ, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B.

(Bà U vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu U trình bày:

Về hôn nhân: Bà U và ông Trần Mã Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận

kết hôn ngày 11/3/2021, tuy nhiên chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn thì bà U có sống chung tại nhà ông Đ tại khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vợ chồng chung sống được 03 tháng thì bà U đi nơi khác sinh sống, không đồng ý tổ chức lễ cưới với ông Đ nữa. Nguyên nhân chủ yếu do ông Đ không chu tâm làm ăn lo cho gia đình, ham chơi, cờ bạc. Thời gian không chung sống, ông Đ và bà U không ai thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Nhận thấu mục đích hôn nhân không Đ được, bà U yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng không có nợ chung, nợ riêng.

Đối với bị đơn ông Trần Mã Đ: Tòa án đã tiến hành tổng Đ các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ đối với ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa. Ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2022, đại diện Ban điều hành khu phố 4, phường T cung cấp: Ông Trần Mã Đ có hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường T, B, B, hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân nảy sinh tranh chấp giữa bà U và ông Đ thì không nắm rõ.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà U; về con chung nguyên đơn tự khai không có nên không xem xét, về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét; bà U phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Thu U khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Trần Mã Đ hiện đang sinh sống tại khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng Đ họp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy

nhiên vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ngU đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà U và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh B vào ngày 11/3/2021. Việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó xác định hôn nhân giữa bà U và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã giao trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông Đ, ông Đ có ký nhận nhưng ông Đ không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa. Điều đó cho thấy ông Đ không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà U. Như vậy đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà U và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà U là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà U tự khai không có, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Bà U khai không có nợ chung, nợ riêng, không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà U phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu U về việc: “Ly hôn” với bị đơn ông Trần Mã Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thu U và ông Trần Mã Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu U và ông Trần Mã Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà U tự khai không có, nên không giải quyết.

3. Về tài sản: Bà U không tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Bà U khai không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thu U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0004856 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà U đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga

